

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 420/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 27/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 17, 18/06/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1562	Hoàng Thị Vân Anh	14/12/1988	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,5	DBG015625	CNTT/23/2911	Đạt	
2	CNTT1563	Trần Hoàng Anh	19/01/1995	Bắc Giang	Nam	7,2	8,0	DBG015626	CNTT/23/2912	Đạt	
3	CNTT1564	Nguyễn Thị Bích	07/11/1997	Bắc Giang	Nữ	7,0	8,5	DBG015627	CNTT/23/2913	Đạt	
4	CNTT1565	Thân Thị Bích	10/03/1985	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG015628	CNTT/23/2914	Đạt	
5	CNTT1566	Nguyễn Thị Cẩm	12/09/1972	Bắc Ninh	Nữ	7,5	8,5	DBG015629	CNTT/23/2915	Đạt	
6	CNTT1567	Hoàng Văn Chiến	02/08/1981	Bắc Giang	Nam	7,0	8,0	DBG015630	CNTT/23/2916	Đạt	
7	CNTT1568	Dương Văn Dũng	20/11/1977	Bắc Ninh	Nam	7,2	7,5	DBG015631	CNTT/23/2917	Đạt	
8	CNTT1569	Thân Văn Dũng	27/10/1979	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG015632	CNTT/23/2918	Đạt	
9	CNTT1570	Đinh Vũ Dương	19/09/1970	Bắc Ninh	Nam	8,2	8,0	DBG015633	CNTT/23/2919	Đạt	
10	CNTT1571	Trương Văn Đại	18/01/1983	Bắc Giang	Nam	7,5	9,0	DBG015634	CNTT/23/2920	Đạt	
11	CNTT1572	Hoàng Thị Gái	23/11/1993	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG015635	CNTT/23/2921	Đạt	
12	CNTT1573	Phạm Thị Hạnh	08/10/1985	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015636	CNTT/23/2922	Đạt	
13	CNTT1574	Vũ Thị Hạnh	03/03/1986	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG015637	CNTT/23/2923	Đạt	
14	CNTT1575	Nguyễn Thị Hiền	05/08/1979	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	DBG015638	CNTT/23/2924	Đạt	
15	CNTT1576	Trần Văn Hiền	07/04/1989	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG015639	CNTT/23/2925	Đạt	
16	CNTT1577	Dương Thu Hòa	06/12/1976	Bắc Giang	Nữ	8,0	9,0	DBG015640	CNTT/23/2926	Đạt	
17	CNTT1578	Nguyễn Sỹ Hùng	05/04/1976	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG015641	CNTT/23/2927	Đạt	
18	CNTT1579	Vũ Trọng Huy	24/07/1984	Bắc Giang	Nam	7,2	8,0	DBG015642	CNTT/23/2928	Đạt	
19	CNTT1580	Dương Văn Hưng	08/04/1983	Bắc Ninh	Nam	7,5	8,0	DBG015643	CNTT/23/2929	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1581	Nguyễn Việt	Khánh	05/01/1979	Bắc Ninh	Nam	7,2	8,0	DBG015644	CNTT/23/2930	Đạt	
21	CNTT1582	Vi Trung	Kiên	20/12/1981	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG015645	CNTT/23/2931	Đạt	
22	CNTT1583	Nguyễn Thanh	Lam	09/02/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015646	CNTT/23/2932	Đạt	
23	CNTT1584	Nguyễn Thị	Loan	31/01/1984	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG015647	CNTT/23/2933	Đạt	
24	CNTT1585	Phan Văn	Luyến	30/08/1987	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG015648	CNTT/23/2934	Đạt	
25	CNTT1586	Đỗ Thị	Ngân	29/09/1990	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG015649	CNTT/23/2935	Đạt	
26	CNTT1587	Phạm Thị	Nhài	11/07/1991	Bắc Ninh	Nữ	7,5	8,5	DBG015650	CNTT/23/2936	Đạt	
27	CNTT1588	Lâm Thị	Nhi	23/08/1987	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG015651	CNTT/23/2937	Đạt	
28	CNTT1589	Trần Thị	Nhung	30/04/1976	Bắc Ninh	Nữ	8,0	8,5	DBG015652	CNTT/23/2938	Đạt	
29	CNTT1590	Dương Văn	Phú	30/06/1984	Bắc Giang	Nam	7,0	8,5	DBG015653	CNTT/23/2939	Đạt	
30	CNTT1591	Dương Văn	Phương	26/10/1979	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,5	DBG015654	CNTT/23/2940	Đạt	
31	CNTT1592	Nguyễn Hồng	Phương	20/10/1981	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG015655	CNTT/23/2941	Đạt	
32	CNTT1593	Lưu Thị	Phượng	18/11/1979	Quảng Ninh	Nữ	7,2	8,0	DBG015656	CNTT/23/2942	Đạt	
33	CNTT1594	Vi Hồng	Sang	15/04/1983	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG015657	CNTT/23/2943	Đạt	
34	CNTT1595	Nguyễn Thị	Sen	04/07/1987	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG015658	CNTT/23/2944	Đạt	
35	CNTT1596	Lê Tiến	Thái	31/05/1990	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG015659	CNTT/23/2945	Đạt	
36	CNTT1597	Trần Thị	Thao	25/12/1990	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG015660	CNTT/23/2946	Đạt	
37	CNTT1598	Hà Thị Phương	Thảo	19/07/1985	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,5	DBG015661	CNTT/23/2947	Đạt	
38	CNTT1599	Nguyễn Thị	Thảo	15/02/1987	Bắc Giang	Nữ	7,0	7,5	DBG015662	CNTT/23/2948	Đạt	
39	CNTT1600	Trần Thị	Thắm	10/07/1994	Bắc Giang	Nữ	7,2	8,5	DBG015663	CNTT/23/2949	Đạt	
40	CNTT1601	Hoàng Văn	Thắng	14/08/1982	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG015664	CNTT/23/2950	Đạt	
41	CNTT1602	Nguyễn Duy	Thiệt	13/04/1983	Bắc Giang	Nam	7,5	8,5	DBG015665	CNTT/23/2951	Đạt	
42	CNTT1603	Hoàng Văn	Thơm	16/10/1984	Bắc Giang	Nam	7,5	9,0	DBG015666	CNTT/23/2952	Đạt	
43	CNTT1604	Ngô Văn	Thuật	08/03/1983	Bắc Giang	Nam	7,2	8,0	DBG015667	CNTT/23/2953	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT1605	Dương Văn	Thủy	06/07/1993	Bắc Giang	Nam	7,5	8,0	DBG015668	CNTT/23/2954	Đạt	
45	CNTT1606	Nguyễn Minh	Thuyết	01/08/1980	Bắc Giang	Nam	7,7	8,5	DBG015669	CNTT/23/2955	Đạt	
46	CNTT1607	Hoàng Đình	Tiến	25/09/1984	Bắc Ninh	Nam	8,2	8,0	DBG015670	CNTT/23/2956	Đạt	
47	CNTT1608	Thân Thị	Trang	04/07/1998	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,5	DBG015671	CNTT/23/2957	Đạt	
48	CNTT1609	Hoàng Tuấn	Trường	26/03/1985	Bắc Giang	Nam	7,7	8,0	DBG015672	CNTT/23/2958	Đạt	
49	CNTT1610	Nguyễn Thị	Trường	22/05/1990	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,5	DBG015673	CNTT/23/2959	Đạt	
50	CNTT1611	Lê Anh	Tuân	15/11/1981	Bắc Giang	Nam	7,5	8,0	DBG015674	CNTT/23/2960	Đạt	
51	CNTT1612	Vũ Văn	Tùng	17/05/1987	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG015675	CNTT/23/2961	Đạt	
52	CNTT1613	Nhữ Đình	Tuyên	20/10/1980	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG015676	CNTT/23/2962	Đạt	
53	CNTT1614	Lê Thị Linh	Tuyển	01/04/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG015677	CNTT/23/2963	Đạt	
54	CNTT1615	Nguyễn Duy	Tường	13/05/1987	Bắc Giang	Nam	7,7	9,0	DBG015678	CNTT/23/2964	Đạt	
55	CNTT1616	La Đức	Văn	07/10/1981	Bắc Giang	Nam	7,2	8,0	DBG015679	CNTT/23/2965	Đạt	
56	CNTT1617	Bế Văn	Vinh	11/01/1979	Bắc Giang	Nam	7,5	8,0	DBG015680	CNTT/23/2966	Đạt	
57	CNTT1618	Nguyễn Kim	Anh	26/12/1993	Ninh Bình	Nữ	7,2	7,5	DBG015681	CNTT/23/2967	Đạt	
58	CNTT1619	Trần Văn	Chiến	04/06/2003	Lạng Sơn	Nam	7,5	7,5	DBG015682	CNTT/23/2968	Đạt	
59	CNTT1620	Thân Quang	Duy	10/12/2003	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	DBG015683	CNTT/23/2969	Đạt	
60	CNTT1621	Triệu Thị	Duyên	14/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,0	DBG015684	CNTT/23/2970	Đạt	
61	CNTT1622	Bế Thị	Dương	06/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	DBG015685	CNTT/23/2971	Đạt	
62	CNTT1623	Trần Thị Mai	Dương	05/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,5	DBG015686	CNTT/23/2972	Đạt	
63	CNTT1624	Nông Quốc	Đạt	20/07/2003	Lạng Sơn	Nam	7,7	6,5	DBG015687	CNTT/23/2973	Đạt	
64	CNTT1625	Hứa Trường	Giang	22/10/1984	Lạng Sơn	Nam	8,5	7,0	DBG015688	CNTT/23/2974	Đạt	
65	CNTT1626	Nguyễn Vũ Mỹ	Hạnh	14/08/1998	Lạng Sơn	Nữ	8,0	8,5	DBG015689	CNTT/23/2975	Đạt	
66	CNTT1627	Liễu Thị Bích	Hằng	30/04/2002	Lạng Sơn	Nữ	7,7	8,0	DBG015690	CNTT/23/2976	Đạt	
67	CNTT1628	Trịnh Thị	Huyền	01/10/2002	Lạng Sơn	Nữ	7,5	5,0	DBG015691	CNTT/23/2977	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT1629	Hà Thị Kim	Hường	06/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,2	5,0	DBG015692	CNTT/23/2978	Đạt	
69	CNTT1630	Nguyễn Trọng	Khánh	22/12/1989	Cao Bằng	Nam	7,0	9,5	DBG015693	CNTT/23/2979	Đạt	
70	CNTT1631	Lăng Thị	Kiểm	05/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,2	7,0	DBG015694	CNTT/23/2980	Đạt	
71	CNTT1632	Hoàng Thị	Lan	25/12/1980	Lạng Sơn	Nữ	7,7	5,0	DBG015695	CNTT/23/2981	Đạt	
72	CNTT1633	Nông Thị Mai	Lan	07/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,0	7,5	DBG015696	CNTT/23/2982	Đạt	
73	CNTT1634	Chu Thị	Lệ	02/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG015697	CNTT/23/2983	Đạt	
74	CNTT1635	Quản Thị Mỹ	Lệ	14/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	DBG015698	CNTT/23/2984	Đạt	
75	CNTT1636	Trần Diệu	Linh	06/12/1992	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,0	DBG015699	CNTT/23/2985	Đạt	
76	CNTT1637	Trần Khánh	Linh	17/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	7,2	7,0	DBG015700	CNTT/23/2986	Đạt	
77	CNTT1638	Hà Thị Thanh	Mai	03/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,7	6,5	DBG015701	CNTT/23/2987	Đạt	
78	CNTT1639	Lý Thị	Nga	25/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,5	8,0	DBG015702	CNTT/23/2988	Đạt	
79	CNTT1640	Linh Hồng	Ngọc	15/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	DBG015703	CNTT/23/2989	Đạt	
80	CNTT1641	Hoàng Hoài	Nhi	12/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	8,2	5,0	DBG015704	CNTT/23/2990	Đạt	
81	CNTT1642	Lý Thị	Phương	14/07/2002	Lạng Sơn	Nữ	8,0	6,0	DBG015705	CNTT/23/2991	Đạt	
82	CNTT1644	Lành Thị	Quyên	19/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	7,2	7,0	DBG015706	CNTT/23/2992	Đạt	
83	CNTT1645	Lộc Thị	Sinh	27/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,5	9,0	DBG015707	CNTT/23/2993	Đạt	
84	CNTT1646	Dương Thanh	Tâm	08/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	8,5	8,0	DBG015708	CNTT/23/2994	Đạt	
85	CNTT1647	Hoàng Minh	Thắng	09/11/2003	Lạng Sơn	Nam	7,0	5,0	DBG015709	CNTT/23/2995	Đạt	
86	CNTT1648	Vi Hồng	Thoan	28/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,0	6,0	DBG015710	CNTT/23/2996	Đạt	
87	CNTT1649	Vi Thị Diệu	Thu	17/03/2002	Lạng Sơn	Nữ	7,5	5,0	DBG015711	CNTT/23/2997	Đạt	
88	CNTT1650	Hoàng Thị	Thương	24/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,7	7,0	DBG015712	CNTT/23/2998	Đạt	
89	CNTT1651	Hà Đích	Tôn	08/04/2002	Lạng Sơn	Nam	8,0	6,5	DBG015713	CNTT/23/2999	Đạt	
90	CNTT1652	Lăng Thị	Trà	07/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	7,7	7,0	DBG015714	CNTT/23/3000	Đạt	

Danh sách có 90 thí sinh./.